

THỰC TRẠNG TỰ HỌC MÔN GIẢI PHẪU CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Võ Khánh Phương^{1*}

SELF-STUDY PRACTICE IN ANATOMY SUBJECT AMONG STUDENTS AT TRA VINH UNIVERSITY, VIETNAM

Vo Khanh Phuong^{1*}

Tóm tắt – Nghiên cứu xác định tỉ lệ sinh viên có hoạt động tự học môn Giải phẫu và các yếu tố liên quan. Phương pháp nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 380 sinh viên tại Trường Đại học Trà Vinh được lựa chọn. Kết quả cho thấy sinh viên đã có nhận thức đúng vấn đề tự học nhưng hành vi tự học môn Giải phẫu của sinh viên chưa cao (70%). Nguồn tài liệu phục vụ cho việc tự học môn Giải phẫu còn thiếu, sinh viên sử dụng chủ yếu bài giảng của Bộ môn cung cấp (66,8%). Hoạt động tự học môn Giải phẫu của sinh viên đạt hiệu quả tốt nhất là sơ đồ hóa nội dung, vẽ hình (47,4%). Những yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học của sinh viên là khối lượng kiến thức quá nhiều; chưa có phương pháp, kỹ năng học; áp lực về kiểm tra, thi và ít tài liệu tham khảo. Để nâng cao hiệu quả việc tự học môn Giải phẫu, sinh viên phải biết lập mục tiêu, kế hoạch học hợp lý, có kỹ năng đọc sách và tài liệu tham khảo, tăng cường hoạt động thảo luận nhóm, nói chuyện chuyên đề, đi học đầy đủ, tích cực tham gia xây dựng bài.

Từ khóa: hoạt động tự học, môn Giải phẫu, sinh viên Khoa Y – Dược, Trường Đại học Trà Vinh.

Abstract – The study was to determine the proportion of students who had self-study practices

in Anatomy subject and associated factors. A descriptive cross-sectional research method was employed to study 380 selected students. The research found that only 70% of students engage in self-study activities in Anatomy. Resources to serve students' self-study Anatomy are still limited, not meeting the self-study needs of students, and most lectures used are provided by the Department of Anatomy (66.8%). The effective self-study activities in Anatomy among the students are mind mapping and drawing (47.4%). Factors affecting students' self-study include the overwhelming subject knowledge, lack of study methodologies and skills, examination pressures, and lack of references. To promote students' self-study in Anatomy, students should develop clear objectives, establish well-structured study plans, refine their reading and referencing skills, foster collaborative group discussions, engage in specialized discourse, attend classes regularly, and participate in building lessons actively.

Keywords: Anatomy, self-study, students of the School of Medicine and Pharmacy, Tra Vinh University.

I. GIỚI THIỆU

Đảng và Nhà nước ta luôn xem trọng giáo dục, coi đó là quốc sách hàng đầu. Mục đích của giáo dục là đào tạo sự phát triển toàn diện về trí tuệ và nhân cách con người, đặc biệt là phát triển tư duy độc lập sáng tạo của người học. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã nhấn mạnh mục tiêu giáo dục: ‘Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng

¹Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 01/02/2023; Ngày nhận bài chỉnh sửa: 29/5/2023; Ngày chấp nhận đăng: 14/6/2023

*Tác giả liên hệ: vkphuong@tvu.edu.vn

¹Tra Vinh University, Vietnam

Received date: 01st February 2023; Revised date: 29th May 2023; Accepted date: 14th June 2023

*Corresponding author: vkphuong@tvu.edu.vn

nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học' [1].

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 cũng có nêu: 'Xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển sang chế độ đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy kiến thức, chuyển đổi ngành nghề, liên thông, chuyển tiếp tới các cấp học tiếp theo ở trong nước và ở nước ngoài' [2].

Từ năm 2014 đến nay, Trường Đại học Trà Vinh đã chuyển sang đào tạo theo hình thức tín chỉ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, lấy người học làm trung tâm, giúp sinh viên tự hoàn thiện và làm phong phú thêm vốn tri thức bằng sự nỗ lực, tự nghiên cứu. Giải phẫu học là môn học cơ sở của các môn cơ sở khác và cũng là cơ sở của các môn lâm sàng thuộc khối ngành sức khỏe. Trên thực tế, từ khi chuyển đổi sang hình thức học chế tín chỉ, giảng viên Bộ môn Giải phẫu, Khoa Y – Dược nhận thấy khả năng chủ động, tích cực trong tự học vẫn còn thiếu ở nhiều sinh viên bậc đại học chính quy, người học tỏ ra bị động và không hiểu rõ phương pháp học môn Giải phẫu. Đặc biệt, một số sinh viên dân tộc thiểu số và du học sinh Campuchia chưa xây dựng và rèn luyện được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu nên họ cảm thấy mất phương hướng, bị quan, chán nản, không tìm thấy sự hứng thú trong quá trình học tập dẫn tới kết quả học tập yếu kém, không đạt đủ điểm tích lũy theo quy định. Vì vậy, nghiên cứu về thực trạng tự học môn Giải phẫu của sinh viên Khoa Y – Dược, Trường Đại học Trà Vinh là vấn đề cấp thiết.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Theo khảo sát 500 sinh viên chính quy đang học môn Giải phẫu theo phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ bằng nghiên cứu mô tả cắt ngang ở Bộ môn Giải phẫu học, Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên, Nguyễn Thị Sinh, Hoàng Thị Lệ Chi ghi nhận: tuy sinh viên đã có nhận thức rất đúng đắn về vấn đề tự học trong đào tạo theo học chế tín chỉ (chiếm 99,1%) nhưng thực trạng hành vi tự học môn Giải phẫu của sinh viên còn thấp (chiếm 57,6%). Nguồn tài liệu để phục vụ cho việc tự học môn Giải phẫu còn nghèo

nàn, chưa đáp ứng được nhu cầu tự học của sinh viên, chủ yếu sinh viên chỉ sử dụng bài giảng của Bộ môn cung cấp. Phương pháp để việc tự học môn Giải phẫu của sinh viên thu được hiệu quả tốt nhất là sơ đồ hóa nội dung, và vẽ hình (chiếm 76,7%). Nếu sinh viên chỉ cần học thuộc lòng bài giảng một cách máy móc thì hiệu quả tự học rất thấp (chiếm 13,1%) [3].

Nghiên cứu của Lương Thị Phượng và cộng sự cho thấy việc tự học là rất cần thiết, chiếm tới 60%. Kết quả này cho thấy, đa số sinh viên đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của việc tự học khi học ở đại học. Điều này cũng phù hợp với đánh giá của giảng viên về tầm quan trọng của việc tự học. Việc tự học tạo ra tính chủ động tích cực của sinh viên trong học tập. Sinh viên sẽ sẽ được củng cố và khắc sâu lại các kiến thức trong quá trình tự học. Trong hệ thống đào tạo tín chỉ, tự học rất quan trọng đối với hoạt động học tập của sinh viên bởi bản chất của việc học theo tín chỉ là sinh viên phải tăng cường thời gian tự học, tự nghiên cứu, chủ động sắp xếp kế hoạch học tập, sáng tạo. Trong các hoạt động của sinh viên khi tiến hành tự học, hoạt động tìm và đọc sách, tài liệu tham khảo chiếm tỉ lệ cao nhất (69,5%). Phần lớn sinh viên tìm đọc sách và tài liệu tham khảo nhằm phát huy vai trò chủ động, tích cực của sinh viên, thầy cô trên giảng đường thường cung cấp những kiến thức cơ bản nhất, hướng dẫn và giới thiệu cho sinh viên cách tìm tài liệu. Do đó, sinh viên muốn hiểu sâu, mở rộng kiến thức cần phải đầu tư thời gian, công sức và cả tài chính để tìm và đọc tài liệu [4].

Nghiên cứu của Đinh Thị Hoa và cộng sự cho thấy hầu hết sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tự học. Kết quả khảo sát cho thấy 66,6% sinh viên cho rằng việc tự học giúp cho mọi người có thể chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định năng lực, phẩm chất; 81,9% sinh viên cho rằng việc tự học giúp nâng cao năng lực tư duy; 50,6% sinh viên cho rằng việc tự học là cơ sở cho tự giáo dục và 69% sinh viên cho rằng việc tự học là tạo sự tự giác, ý chí tích cực, chủ động sáng tạo sẽ khơi dậy năng lực tiềm năng, tạo ra động lực to lớn trong chính bản thân người học [5].

Kết quả trong nghiên cứu của Phan Thị Tố Oanh và cộng sự cho thấy hầu hết sinh viên đều có nhận thức tích cực về vai trò, ý nghĩa của kỹ

năng tự học. 93,4% sinh viên cho rằng tự học rất quan trọng và quan trọng trong việc giúp họ nắm vững, nhớ sâu kiến thức; 96% sinh viên cho rằng tự học rất quan trọng và quan trọng trong việc giúp họ phát triển tư duy độc lập, tư duy sáng tạo; và lần lượt là 96%, 95,4%, 82% sinh viên cho rằng tự học rất quan trọng và quan trọng trong việc giúp họ hình thành kỹ năng tự học suốt đời, đạt kết quả cao về điểm số, giúp phát triển kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề [6].

Những yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học của sinh viên là khối lượng kiến thức quá nhiều, chưa có phương pháp, kỹ năng học, áp lực về kiểm tra, thi và ít tài liệu tham khảo. Giải pháp thúc đẩy việc tự học môn Giải phẫu của sinh viên là sinh viên phải biết lập mục tiêu, kế hoạch học hợp lý, kỹ năng đọc sách và tài liệu tham khảo, tăng thảo luận nhóm, nói chuyện chuyên đề, lên lớp đầy đủ, tích cực tham gia xây dựng bài.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

A. Đối tượng, thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 12/2022 đến tháng 01/2023 tại Khoa Y – Dược, Trường Đại học Trà Vinh.

- Tiêu chuẩn chọn mẫu: Sinh viên năm 1 thuộc các khối ngành Y Đa khoa, Y học Dự phòng, Răng Hàm Mặt đang theo học tại Trường Đại học Trà Vinh đồng ý tham gia nghiên cứu; tiêu chuẩn loại trừ là sinh viên không hoàn thành bảng câu hỏi.

B. Phương pháp chọn mẫu

- Thiết kế nghiên cứu: Cắt ngang mô tả.
- Cỡ mẫu:

$$n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \frac{P(1-p)}{d^2}$$

n: cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu

p: tỉ lệ ước tính, $p = 0,576$ [6]. Với độ tin cậy 95%, $\alpha = 0,05$ và sai số cho phép $d = 0,05$. Cỡ mẫu tối thiểu cho nghiên cứu là 375 người.

- Phương pháp chọn mẫu: Tất cả sinh viên có trong danh sách lớp thuộc các khối ngành Y Đa khoa, Y học Dự phòng, Răng Hàm Mặt đang học môn Giải phẫu tại Khoa Y – Dược, Trường Đại học Trà Vinh. Nghiên cứu đã khảo sát 380 sinh viên trong khoảng thời gian từ tháng 12/2022 đến tháng 01/2023.

C. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

- Số liệu được thu thập bởi bộ câu hỏi phỏng vấn trực tiếp và phỏng vấn qua e-mail với các nội dung: giới tính, dân tộc, kiến thức, thái độ, thực hành về tự học môn Giải Phẫu của sinh viên chính quy theo học chế tín chỉ.

- Tất cả thông tin thu thập trong bộ câu hỏi đều được kiểm tra đầy đủ, tính chính xác, mã hoá và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 22.

D. Đạo đức nghiên cứu

Các đối tượng nghiên cứu đều được hỏi ý kiến và chỉ thực hiện khảo sát đối với những người đồng ý. Các thông tin cá nhân về đối tượng nghiên cứu được đảm bảo giữ bí mật tuyệt đối.

IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

A. Đặc điểm chung về đối tượng tham gia nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu gồm sinh viên nam có tỉ lệ 47,6%, sinh viên nữ là 52,4%, có sự khác biệt so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Sinh, Hoàng Thị Lệ Chi [3] với tỉ lệ sinh viên nữ (66,9%) cao gần gấp đôi tỉ lệ sinh viên nam (33,1%). Sự khác biệt này là do cơ cấu dân số không giống nhau ở những thời điểm, vị trí địa lý khác nhau.

Ngoài ra, nghiên cứu còn ghi nhận tỉ lệ dân tộc Kinh là 83,4%, cao hơn rất nhiều so với dân tộc Khmer (13,4%) và các dân tộc khác (3,2%). Kết quả này tương đồng với với nghiên cứu của Nguyễn Thị Sinh, Hoàng Thị Lệ Chi [3], tỉ lệ sinh viên dân tộc Kinh là 66,7% và tỉ lệ sinh viên dân tộc thiểu số là 33,3%. Đối tượng người dân tộc thiểu số cần được quan tâm nhiều hơn vì họ là những người bị bất lợi trong học tập do sự bất đồng về ngôn ngữ.

Bảng 1: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đối tượng	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)	p
Nam	181	47,6	p > 0,05
Nữ	199	52,4	
Kinh	317	83,4	
Khmer	51	13,4	
Khác	12	3,2	

B. Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về tự học môn Giải phẫu của sinh viên

Bảng 2 cho thấy, hầu hết sinh viên đã có nhận thức về tự học trong đào tạo theo học chế tín chỉ (chiếm 91,1%). Thực trạng này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Sinh, Hoàng Thị Lệ Chi (99,1%) [3]. Tuy nhiên, mức độ thực hành tự học của sinh viên chiếm 70%, cao hơn kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả này (56,7%) [3]. Sự khác biệt này là do khảo sát được thực hiện khi Trường Đại học Trà Vinh đã chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ được 10 năm nên đội ngũ giảng viên đã có nhiều kinh nghiệm trong việc hướng dẫn phương pháp học cho sinh viên. Mặt khác, điểm chuẩn đầu vào các ngành của Khoa Y – Dược cao nên nhận thức và thực hành tự học đã được sinh viên áp dụng ở bậc học Trung học Phổ thông. Thực tế sinh viên có nhận thức rất rõ về việc tự học khi biết mình học theo phương thức đào tạo học chế tín chỉ nhưng vấn đề quan trọng ở đây là chúng ta cần biến nhận thức của sinh viên thành động lực thúc đẩy sinh viên tích cực tự học nhiều hơn nữa.

Bảng 2: Mức độ kiến thức, thái độ, thực hành của sinh viên về tự học môn Giải phẫu

Mức độ	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)	P
<i>Kiến thức</i>			
Biết	346	91,1	p > 0,05
Không biết	34	8,9	
<i>Thái độ</i>			
Rất quan trọng	281	73,9	p > 0,05
Quan trọng	93	24,5	
Phân vân	6	1,6	
<i>Thực hành</i>			
Thường xuyên	266	70	p > 0,05
Không thường xuyên	114	30	

Bảng 3 cho thấy nguồn tài liệu để phục vụ cho tự học môn Giải phẫu của sinh viên còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu tự học của sinh viên: bài giảng bộ môn chiếm 66,8%, tài liệu từ Internet chiếm 19,5%, tài liệu các khoá trước chiếm 7,9%, tài liệu từ thư viện chỉ chiếm 1,3%. Có thể thấy sinh viên sử dụng nguồn tài liệu từ thư viện còn rất thấp.

Kết quả thể hiện ở Bảng 4 cho thấy cách tự học môn Giải phẫu của sinh viên để thu được hiệu quả là sơ đồ hoá nội dung, vẽ hình chiếm 47,4%. Do đây là môn học về hình thái nên việc

Bảng 3: Nguồn tài liệu để phục vụ sinh viên tự học môn Giải phẫu

Nguồn tài liệu	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Bài giảng của bộ môn	254	66,8
Qua mạng Internet	74	19,5
Thư viện	5	1,3
Tài liệu của khoá trước để lại	30	7,9
Khác	17	4,5
Tổng	380	100

sơ đồ hoá nội dung, vẽ hình đạt hiệu quả tốt nhất. Nếu sinh viên chỉ cần học thuộc lòng bài giảng một cách máy móc thì hiệu quả tự học rất thấp, chỉ chiếm 6,3%. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Sinh, Hoàng Thị Lệ Chi tại Bộ môn Giải phẫu, Trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên [3].

Bảng 4: Cách tự học môn Giải phẫu đạt hiệu quả tốt nhất

Một số cách tự học môn Giải phẫu	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Chỉ cần thuộc lòng bài giảng	24	6,3
Đọc thêm tài liệu, viết lại theo ý hiểu	147	38,7
Sơ đồ hoá nội dung, vẽ hình	180	47,4
Khác	29	7,6
Tổng	380	100

C. Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học môn Giải phẫu của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học của sinh viên là khối lượng kiến thức quá nhiều (chiếm 59,2%), chưa có phương pháp, kĩ năng học (chiếm 23,4%), áp lực về kiểm tra, thi (chiếm 7,4%) và cuối cùng là ít tài liệu tham khảo (chiếm 1,1%) (Bảng 5). Những yếu tố vừa nêu trên xuất phát từ bản thân sinh viên thiếu hành vi tự học, thiếu kĩ năng học tập, chưa lập được mục tiêu, kế hoạch học tập hợp lí. Do đó, sinh viên chịu áp lực về kiểm tra, thi. Việc thiếu kĩ năng đọc sách và tài liệu tham khảo do nguồn tài liệu về môn Giải phẫu tại Trung tâm Học liệu rất ít, đa số sinh viên sử dụng bài giảng của Bộ môn.

Bảng 5: Yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học môn Giải phẫu của sinh viên

Các yếu tố ảnh hưởng	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
<i>Yếu tố chủ quan</i>		
Thiếu thời gian	19	5
Chưa có phương pháp, kĩ năng học	89	23,4
<i>Yếu tố khách quan</i>		
Khối lượng kiến thức quá nhiều	225	59,2
Ít tài liệu tham khảo	4	1,1
Áp lực về kiểm tra, thi	28	7,4
<i>Yếu tố khác</i>	15	3,9

D. Giải pháp thúc đẩy việc tự học môn Giải phẫu của sinh viên

Theo Bảng 6, kết quả khảo sát giải pháp thúc đẩy việc tự học môn Giải phẫu của sinh viên cho thấy, việc lập mục tiêu, kế hoạch hoá hợp lí chiếm tỉ lệ cao nhất (31,8%), tiếp đến là kĩ năng đọc sách, tài liệu tham khảo (26,3%) và việc tăng thảo luận nhóm, nói chuyện chuyên đề (18,9%). Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Sinh, Hoàng Thị Lệ Chi [3].

Bảng 6: Giải pháp thúc đẩy việc tự học môn Giải phẫu của sinh viên

Giải pháp đề xuất	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Tăng thảo luận nhóm, nói chuyện chuyên đề	72	18,9
Kĩ năng đọc sách và tài liệu tham khảo	100	26,3
Xây dựng các câu lạc bộ, nhóm tự học	30	7,9
Lập mục tiêu, kế hoạch học hợp lí	121	31,8
Lên lớp đầy đủ, tích cực tham gia xây dựng bài	36	9,5
Giải pháp khác	21	5,5
Tổng	380	100

Giảng viên và sinh viên cần tăng cường việc đổi mới phương pháp dạy và học. Giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn để sinh viên có thể tiếp thu bài học đúng hướng, tăng cường thảo luận nhóm, nói chuyện chuyên đề để kích thích tính chủ động, sáng tạo của sinh viên. Giảng viên kiểm tra, đánh giá sinh viên thông qua việc giao bài tập; đồng thời, tăng cường giao bài tập để

sinh viên tự học, tự nghiên cứu. Giảng viên đóng vai trò là cố vấn học tập về môn Giải phẫu cho sinh viên. Sinh viên phải biết lập mục tiêu, kế hoạch học hợp lí cho từng bài học, tuần học cụ thể, tìm hiểu kĩ đề cương môn học, lên lớp đầy đủ, tích cực tham gia xây dựng bài; tham gia các câu lạc bộ, nhóm tự học, tăng cường trao đổi với bạn bè.

V. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên Khoa Y – Dược, Trường Đại học Trà Vinh đã có nhận thức đúng đắn về vấn đề tự học nhưng thực trạng hành vi tự học môn Giải phẫu của sinh viên chưa cao (70%). Nhà trường và giảng viên cần nâng cao nhận thức của sinh viên, góp phần tạo chuyển biến từ nhận thức đúng đắn sang hành động tích cực tự học.

Nguồn tài liệu để phục vụ cho việc tự học môn Giải phẫu của sinh viên còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu tự học của sinh viên. Sinh viên chủ yếu sử dụng bài giảng của Bộ môn cung cấp (66,8%). Việc tự học môn Giải phẫu của sinh viên để thu được hiệu quả tốt nhất là sơ đồ hóa nội dung, vẽ hình (47,4%).

Các yếu tố ảnh hưởng đến tự học của sinh viên là khối lượng kiến thức quá nhiều, sinh viên chưa có phương pháp, kĩ năng học, áp lực về kiểm tra, thi và ít tài liệu tham khảo.

Để nâng cao hiệu quả việc tự học môn Giải phẫu, sinh viên phải biết lập mục tiêu, kế hoạch học hợp lí, kĩ năng đọc sách và tài liệu tham khảo; tăng thảo luận nhóm, nói chuyện chuyên đề, tham dự lớp đầy đủ, tích cực tham gia xây dựng bài. Nhà trường tăng cường nguồn tài liệu về môn Giải phẫu cho thư viện để sinh viên thuận lợi tham khảo trong quá trình tự học. Bộ môn Giải phẫu tăng thảo luận nhóm, nói chuyện chuyên đề, tăng cường giao bài tập để sinh viên tự học, tự nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội: Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Số 29-NQ/TW, 04/11/2013.
- [2] Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. *Nghị quyết về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*. Hà Nội: Chính phủ. Số 14/2005/NQ-CP, 02/11/2005.

- [3] Nguyễn Thị Sinh, Hoàng Thị Lệ Chi. Thực trạng tự học môn Giải phẫu của sinh viên chính qui được đào tạo theo học chế tín chỉ tại Bộ môn Giải phẫu, Trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên. *Bản tin Y – Dược học miền núi*. 2012;3: 32–38.
- [4] Lương Thị Phương, Nguyễn Đắc Dũng, Trương Thị Thu Hạnh. Việc tự học của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam hiện nay: thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*. 2021;Số đặc biệt: 119–124.
- [5] Đinh Thị Hoa, Đàm Thu Vân, Đào Thị Thu Phương. Thực trạng hoạt động tự học của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình. *Tạp chí Giáo dục*. 2018;443(1): 22–25.
- [6] Phan Thị Tố Oanh, Lê Thị Phương. Thực trạng kỹ năng tự học của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng nhu cầu cách mạng công nghiệp 4.0. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*. 2020;43B: 51–59.

